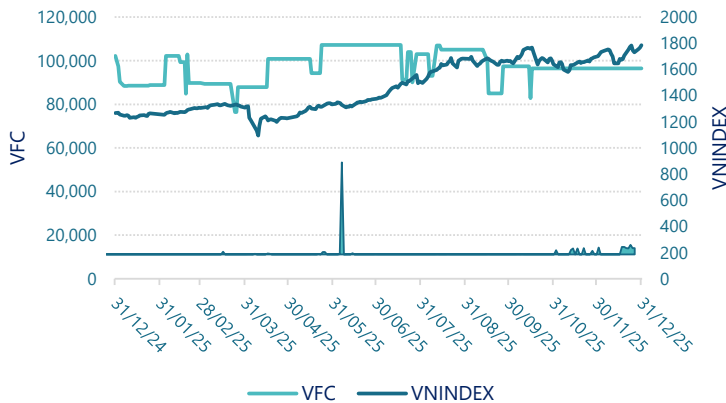




CTCP Vinafco (UPCOM: VFC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	96,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	107,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	76,430
SL cổ phiếu LH	33,801,062
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,258
P/E	222.0
EPS	434

DT thuần

Q4/25

402

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.0 | 13.0%

YoY: ▲ 69.0 | 20.8%

LN sau thuế

Q4/25

-6.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 17.3 | -163%

YoY: ▼ 21.9 | -144%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.3%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

2025

1,355

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 192 | 16.4%

LN sau thuế

2025

16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.80 | -35.1%

ROE

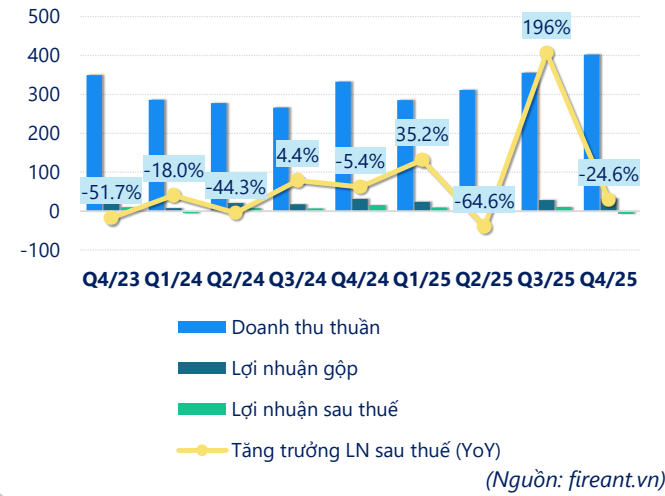
2025

2.1%

+/- YoY: ▼ 1.4%

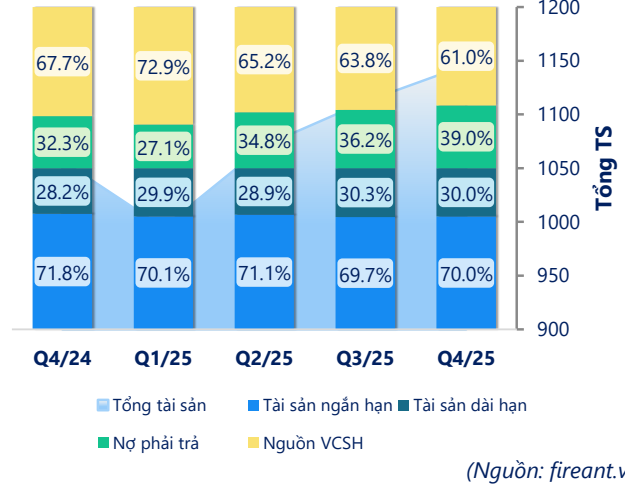
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

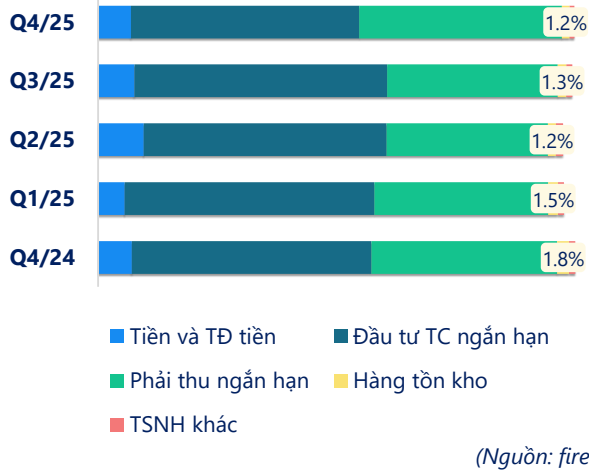


Cơ cấu Tổng tài sản

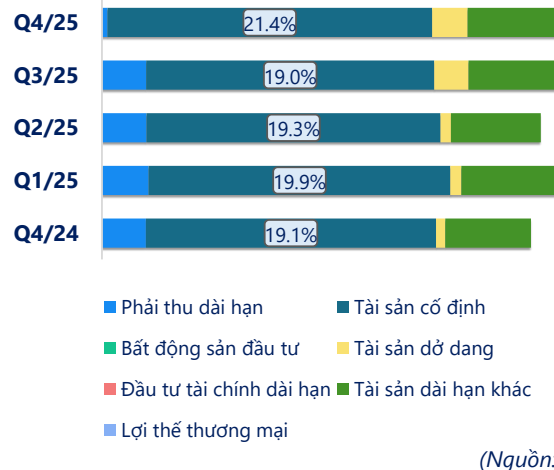
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

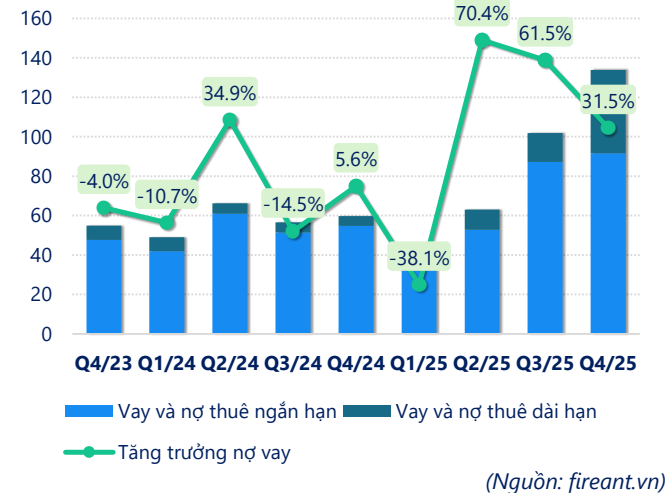


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



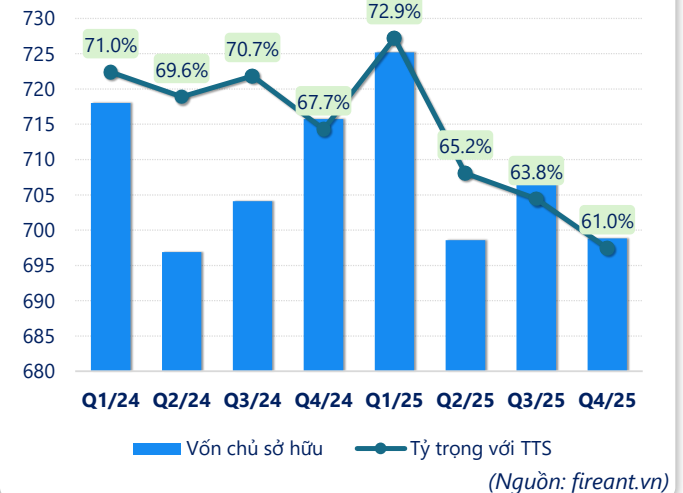
tỷ VNĐ

Nợ vay

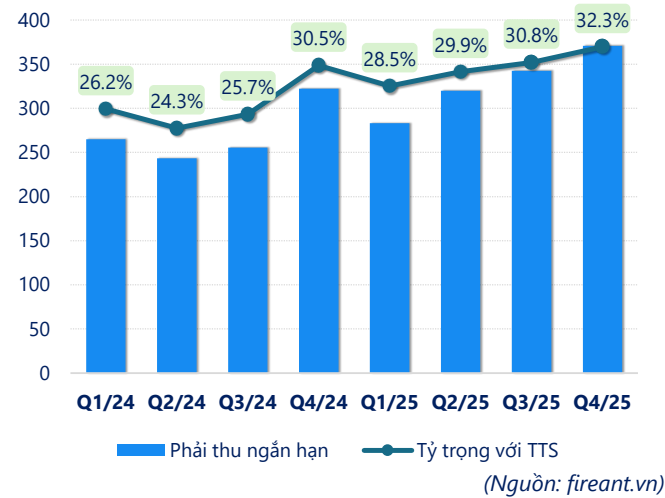


tỷ VNĐ

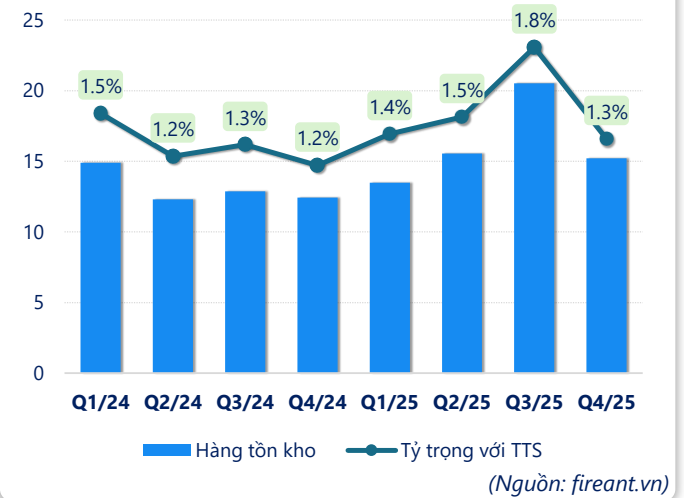
Vốn chủ sở hữu



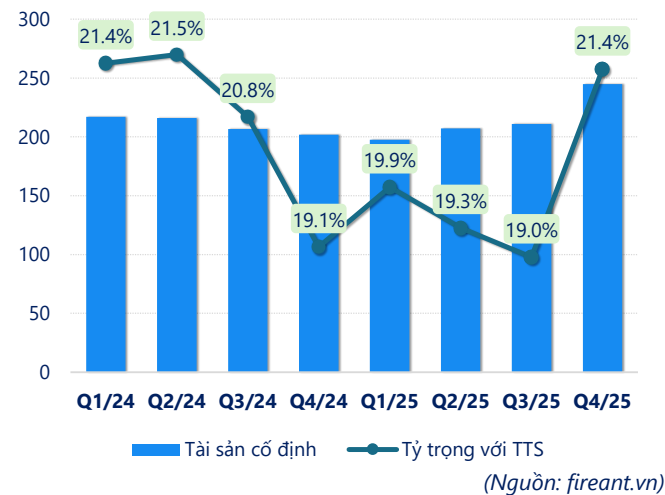
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


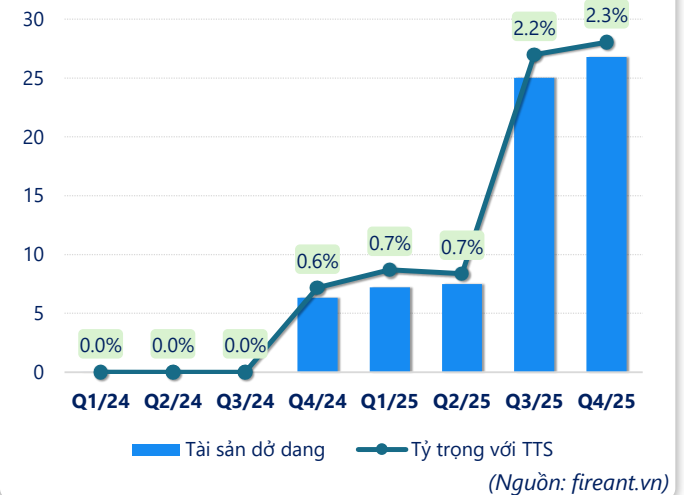
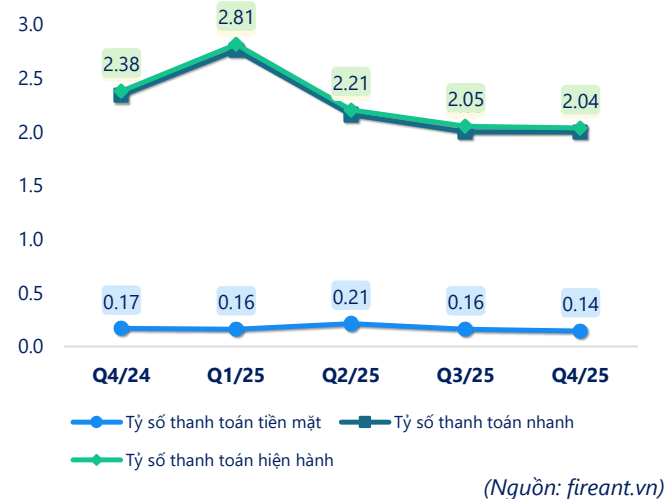
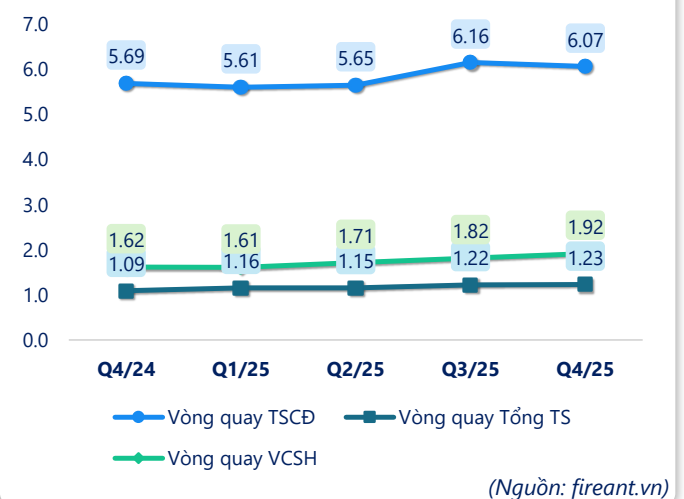
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,057	995	1,071	1,112	1,146
Tài sản ngắn hạn	758	697	762	776	802
Tiền và tương đương tiền	53.5	39.9	73.6	60.9	56.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	363	354	344	344	351
Phải thu ngắn hạn	322	283	320	343	371
Hàng tồn kho	12.4	13.5	15.5	20.5	15.2
Tài sản ngắn hạn khác	7.44	6.92	8.80	8.01	8.73
Tài sản dài hạn	298	298	309	336	344
Phải thu dài hạn	30.6	30.6	31.4	32.3	4.17
Tài sản cố định	202	198	207	211	245
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.34	7.22	7.48	25.0	26.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	59.7	62.3	63.3	68.2	68.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	341	270	373	403	447
Nợ ngắn hạn	319	248	345	378	394
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.7	32.0	52.8	87.2	91.5
Phải trả người bán ngắn hạn	198	157	186	212	229
Nợ dài hạn	22.1	22.0	27.1	25.0	53.1
Vay và nợ thuê dài hạn	5.04	4.99	10.2	14.6	42.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	716	725	699	709	699
Vốn chủ sở hữu	716	725	699	709	699
Vốn điều lệ	340	340	340	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)